**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ NGÀNH VỚI CÔNG VĂN LẤY Ý KIẾN DỰ THẢO TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC GIA NHẬP CÔNG ƯỚC ISTANBUL**

*Hà Nội, ngày tháng 1 năm 2017*

| **STT** | **BỘ/NGÀNH** | **Ý KIẾN THAM GIA** | **TIẾP THU/GIẢI TRÌNH** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Bộ Ngoại giao** | **I. Về chủ trương:**  BNG cơ bản nhất trí với đề xuất gia nhập Công ước Istanbul về tạm quản hàng hóa nhằm tạo thuận lợi về thủ tục Hải quan đối với các hàng hóa tạm nhập, tái xuất để phục vụ triển lãm, quảng cáo.  **II. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ:**  1. Về danh nghĩa gia nhập Công ước: Tiếp theo CV số 3233/BNG-LPQT ngày 01/9/2015, BNG nhất trí về việc Công ước sẽ được gia nhập nhân danh Chính phủ.  2. Về thẩm quyền quyết định gia nhập Công ước  BNG nhất trí với ý kiến của Quý Bộ về việc cần trình Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi gia nhập Công ước vì tuy không trái với luật, nghị quyết của Quốc hội, nhưng nội dung của Công ước chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam.  3. Về nội dung dự thảo Tờ trình Chính phủ  3.1. Tại Điểm 11.1 (i) đề nghị chỉnh sửa lại điểm này theo hướng: Chính phủ quyết định gia nhập Công ước sau khi có ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Thời điểm gửi thông báo việc Việt Nam gia nhập Công ước là 12 tháng sau khi có quyết định gia nhập của Chính phủ nhằm đảm bảo việc triển khai xây dựng các quy trình cấp phát sổ tạm quản, quy trình bảo lãnh của VCCI.  Đồng thời, đề nghị bổ sung thêm thời điểm Công ước có hiệu lực đối với Việt Nam là 3 tháng sau khi Việt Nam gửi thông báo về việc gia nhập.  3.2. Về việc bảo lưu liên quan đến Phụ lục B3 tại Điểm 11.1(ii)  Theo quy định không quá 3 nhóm hàng hóa liệt kê tại Điều 2 và liên quan đến Điều 5 khoản 1 của Phụ lục B3 (tạm quản không cần tài liệu hải quan hoặc bảo đảm). Đề nghị Quý Bộ nêu rõ những bảo lưu đối với Phụ lục B3 và giải trình về việc bảo lưu đó có đáp ứng các yêu cầu về bảo lưu tại Điều 7a Phụ lục B3 hay không.  4. Về nội dung Bảng rà soát mức độ phù hợp của pháp luật Việt Nam với các nghĩa vụ theo Công ước  Theo Bảng rà soát mức độ phù hợp của pháp luật Việt Nam với các nghĩa vụ theo Công ước (đánh giá Điều 9), có sự không tương thích với Luật thương mại 2005 về thời hạn tạm nhập, tái xuất hàng hóa. Đề nghị Quý Bộ giải trình thêm về việc có cần sửa đổi Luật Thương mại khi Việt Nam gia nhập và triển khai thực hiện Công ước. | - Bộ Tài chính (TCHQ) tiếp thu ý kiến.  - Bộ Tài chính đề xuất chỉ tham gia Phụ lục A và B1. Phụ lục B3 sẽ được đề xuất tham gia sau một thời gian thực hiện CƯ.  - Như đã giải trình tại mục giải trình ý kiến của Bộ Công Thương, Bộ Tài chính bổ sung thời hạn tái xuất vào Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Công ước, đề xuất Bộ Công Thương lưu ý nội dung này để kiến nghị cơ quan liên quan khi sửa đổi Luật thương mại. |
| 2 | **Bộ Tư pháp** | 1. Bộ Tư pháp nhận thấy dự thảo Tờ trình đã đáp ứng các nội dung theo yêu cầu tại khoản 1 Điều 45 và Điều 16 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016. Do đó, về cơ bản, Bộ Tư pháp nhất trí với cấu trúc và các nội dung chính của dự thảo Tờ trình.  2. Để nội dung Tờ trình hoàn thiện hơn, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ hoàn thiện một số nội dung sau:  2.1. Mục 5 của dự thảo Tờ trình có dẫn chiếu đến Bảng rà soát, đánh giá mức độ tương thích giữa các quy định của Công ước với quy định pháp luật trong nước (Bảng rà soát). Tại Bảng rà soát này có đánh giá một số quy định của Công ước mà pháp luật Việt Nam chưa có quy định, một số quy định pháp luật Việt Nam không phù hợp. Bộ Tư pháp đề nghị cân nhắc một số nội dung sau:  a) Đề nghị đưa những nội dung đánh giá quy định của Công ước mà pháp luật Việt Nam chưa có quy định, một số quy định pháp luật Việt Nam không phù hợp vào Mục 5 thay vì dẫn chiếu tới Bảng rà soát;  b) Đề nghị cân nhắc đưa nội dung Mục 5 và Bảng rà soát vào Báo cáo đánh giá tính tương thích của Điều ước quốc tế với điều ước quốc tế cùng lĩnh vực mà Việt Nam là thành viên và Báo cáo đánh giá sự phù hợp giữa quy định của điều ước quốc tế với quy định pháp luật Việt Nam theo quy định tại khoản 4 và 5 Điều 17 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016.  2.2. Mục 7 của dự thảo Tờ trình quy định về việc bảo lưu, Bộ Tư pháp nhận thấy Điều 29 (Bảo lưu) của Công ước cho phép các Bên bảo lưu, cụ thể là:  “*Mỗi bên ký kết phê chuẩn một phụ lục là công nhận tất cả các quy định trong phụ lục này trừ khi bên ký kết thông báo cho Tổng thư ký Hội đồng các quy định bảo lưu vào thời điểm phê chuẩn phụ lục bằng cách nêu ra các điểm xung đột giữa các quy định trong luật pháp quốc gia và các quy định liên quan trong phạm vi các vấn đề nêu tại các phụ lục liên quan”.* Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ có đề xuất cụ thể các quy định mà Việt Nam bảo lưu.  2.4. Về mục 11 của dự thảo Tờ trình, Bộ Tư pháp nhận thấy, nội dung Công ước có các điều khoản chưa được quy định trong Luật của Quốc hội, do đó, Công ước cần phải được trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi quyết định gia nhập Công ước theo quy định tại Điều 42 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016. Vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ chỉnh sửa nội dung Mục 11 của dự thảo Tờ trình cho phù hợp. | - Bộ Tài chính (TCHQ) tiếp thu và đưa nội dung đánh giá vào Mục 5 của dự thảo Tờ trình.  - Bộ Tài chính (TCHQ) tiếp thu rà soát nội dung của CƯ Istanbul với Hiệp định Tạo thuận lợi thương mại của WTO và Công ước Kyoto sửa đổi về tạm quản hàng hóa.  - Bộ Tài chính đã có kiến nghị bảo lưu cụ thể tại Mục 11.1.  - Bộ Tài chính (TCHQ) tiếp thu ý kiến. |
| 3 | **Bộ Giao thông vận tải** | - Nhất trí với nội dung đề xuất của BTC tại Dự thảo Tờ trình Chính phủ về việc gia nhập Công ước Istanbul.  - Đề nghị BTC thực hiện trình tự gia nhập Công ước theo các quy định của Luật Điều ước quốc tế năm 2016 |  |
| 4 | **Ngân hàng Nhà nước** | Việc gia nhập Công ước Istanbul về tạm quản hàng hóa theo phân tích của Bộ Tài chính sẽ làm đơn giản hóa, nâng cao hiệu quả thực thi các thủ tục xuất nhập khẩu (tạm nhập – tái xuất), giảm thời gian, chi phí và áp lực cho cơ quan quản lý cũng như doanh nghiệp, từ đó thúc đẩy giao lưu thương mại Việt Nam với các nước. Đồng thời, việc gia nhập này sẽ là một biện pháp góp phần thực hiện Đề án của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính, hỗ trợ thực hiện các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, vận tải quốc tế. Khi Việt Nam hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế quốc tế, việc triển khai cơ chế tạm quản theo Công ước Istanbul là phù hợp với xu hướng chung và thông lệ quốc tế và cũng là một trong những biện pháp nhằm hiện thực hóa các cam kết song phương và đa phương của Chính phủ Việt Nam trong lĩnh vực Hải quan. Vì vậy, việc gia nhập Công ước là phù hợp với chủ trương chung của Chính phủ Việt Nam.  Đối với Ngân hàng Nhà nước, các nội dung của Công ước không liên quan trực tiếp đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước, vì vậy, Ngân hàng Nhà nước không có ý kiến thêm về nội dung dự thảo Tờ trình Chính phủ của Quý Bộ. |  |
| 5 | **Bộ Công Thương** | **1. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ:**  a) Theo quy định hiện hành, hoạt động tạm nhập tái xuất được thực hiện dưới 2 hình thức: kinh doanh tạm nhập tái xuất và tạm nhập tái xuất theo mục đích khác, bao gồm các hoạt động tạm nhập tái xuất không nhằm mục đích kinh doanh trực tiếp hàng hóa đó. Theo các nội dung diễn giải tại Tờ trình, cơ chế tạm quản được hiểu là một hình thức khác của thủ tục hải quan nhằm giải quyết cho các trường hợp thuộc hình thức tạm nhập tái xuất theo hình thức khác, không bao gồm các trường hợp kinh doanh tạm nhập tái xuất.  Do đó, trong nội dung dự thảo Tờ trình Chính phủ, đề nghị Bộ Tài chính làm rõ nội dung trên để phân biệt 2 trường hợp tạm nhập tái xuất và tránh sự hiểu nhầm trong triển khai áp dụng.  b) Về tình hình áp dụng cơ chế tạm quản trên thế giới (mục 3.3)  Tại Tờ trình Chính phủ, Bộ Tài chính kiến nghị Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương gia nhập Công ước bao gồm việc chấp nhận: thân Công ước, Phụ lục A, Phụ lục B.1 và Phụ lục B.3. Tuy nhiên, trong đánh giá tình hình áp dụng cơ chế tạm quản hiện nay trên thế giới, Bộ Tài chính mới chỉ thống kê được số lượng thành viên chấp nhận các Phụ lục: B.1, B.2, B.5, chưa thống kê các trường hợp chấp nhận Phụ lục B.3. Ngoài ra, trong khu vực Châu Á, các nước như Thái Lan, Trung Quốc cũng chỉ tham gia Phụ lục A và B.1. Do đó, đề nghị Bộ Tài chính thống kê các nước chấp nhận Phụ lục B.3, đồng thời cần có giải trình làm rõ lý do có nhiều nước chưa tham gia Phụ lục này và đánh giá những lợi ích, rủi ro của Việt Nam khi chấp nhận Phụ lục.  Theo Bộ Công Thương, việc gia nhập Công ước và chấp nhận các Phụ lục cần bảo đảm nguyên tắc thận trọng, phù hợp với cơ chế, năng lực quản lý hiện hành và cân nhắc mở rộng sau một thời gian triển khai, tổng kết việc thực hiện.  c) Về các đề xuất (mục 11)  - Tại điểm (v) mục 11.1, Bộ Tài chính kiến nghị Chính phủ xem xét, phê duyệt việc sổ ATA sẽ áp dụng đối với hàng hóa quá cảnh. Bộ Công Thương đề nghị Bộ Tài chính làm rõ phạm vi, hình thức áp dụng, đồng thời, bổ sung rà soát sự tương thích với pháp luật trong nước về quá cảnh hàng hóa (dự thảo Tờ trình và Bảng rà soát sự tương thích với pháp luật trong nước hiện nay chỉ đề cập vấn đề liên quan đến tạm nhập tái xuất, chưa rà soát đối với quá cảnh hàng hóa).  - Ngoài các đề xuất đã nêu tại dự thảo Tờ trình, đề nghị bổ sung đề xuất xây dựng văn bản hướng dẫn việc thực hiện Công ước (bao gồm các nội dung: hình thức văn bản, cơ quan chủ trì soạn thảo, các nội dung chính của văn bản) để có định hướng triển khai việc thực hiện trong trường hợp gia nhập Công ước.  **2. Về Bảng rà soát sự tương thích với pháp luật trong nước**  Đề nghị Bộ Tài chính rà soát kỹ lại những nội dung chưa tương thích giữa Công ước với pháp luật trong nước và đề xuất phương án xử lý đối với những nội dung này (hiện tại Bộ Tài chính chỉ đề xuất việc sửa đổi các văn bản liên quan đến thủ tục hải quan).  Một số nội dung Bộ Công Thương đã rà soát và thấy có sự chưa tương thích giữa Công ước và pháp luật trong nước cụ thể như sau:  a) Theo quy định tại Điều 134 của Luật Thương mại, hàng hóa thuộc diện cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh, chưa được phép lưu thông và hàng hóa thuộc diện cấm nhập khẩu theo quy định của pháp luật không được phép tham gia hội chợ, triển lãm thương mại.  Trong Bảng rà soát, đánh giá mức độ tương thích giữa các quy định của Công ước và quy định của pháp luật trong nước chưa có rà soát, đánh giá sự tương thích các quy định của Phụ lục B.1, B.3 đối với các quy định hiện hành liên quan đến hàng hóa cấm nhập khẩu, hạn chế nhập khẩu, hàng hóa cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh. Do đó, Bộ Công Thương đề nghị Bộ Tài chính bổ sung nội dung này trên cơ sở tham khảo ý kiến của các Bộ, ngành quản lý chuyên ngành các loại hàng hóa nêu trên, đảm bảo việc gia nhập Công ước không mâu thuẫn với các quy định hiện hành áp dụng đối với hàng hóa thuộc diện cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh, chưa được phép lưu thông và hàng hóa thuộc diện cấm nhập khẩu. | Tiếp thu ý kiến và làm rõ trong dự thảo Tờ trình Chính phủ.  - Tiếp thu ý kiến BCT, Bộ Tài chính đã thống kê các nước thành viên tham gia Phụ lục B1.  Bộ Tài chính sửa lại đề xuất chỉ tham gia Phụ lục B1 khi bắt đầu tham gia Công ước. Sau một thời gian tham gia Công ước, Bộ Tài chính sẽ tổng kết và đề xuất tham gia các Phụ lục khác, trong đó có Phụ lục B3, khi khuôn khổ pháp lý và năng lực quản lý của VN đã phù hợp.  - Hiện nay, Bộ Tài chính (TCHQ) đang hoàn tất các thủ tục để phê duyệt Nghị định thư về hệ thống quá cảnh trong ASEAN, trong GMS nên Bộ Tài chính (TCHQ) tiếp thu, sửa lại Tờ trình theo hướng sổ ATA sẽ **không** áp dụng đối với hàng hóa quá cảnh tại Mục 11.1 (v).  - Tiếp thu ý kiến BCT bổ sung đề xuất xây dựng văn bản hướng dẫn việc thực hiện Công ước (dự kiến là Nghị định của Chính phủ).  - Như đã báo cáo tại Bảng rà soát sự tương thích của pháp luật trong nước, đối với một số quy định của Công ước chưa được quy định trong pháp luật quốc gia thì Bộ Tài chính (TCHQ) đề xuất đưa vào Nghị định hướng dẫn thực hiện Công ước, Bộ Tài chính (TCHQ) đề xuất sửa đổi các văn bản trong lĩnh vực hải quan chưa phù hợp với nội dung Công ước.  - Danh mục hàng hóa theo Phụ lục B1 chung chung, vì vậy chưa đủ cơ sở xác định có thuộc danh mục hàng hóa cấm XK, NK có điều kiện hay không (ví dụ như hàng hóa là hình ảnh và phim, nếu có chứa hình ảnh nhạy cảm, vi phạm thuần phong mỹ tục… thì bị cấm NK). Vì vậy, trong trường hợp hàng hóa thuộc danh mục cấm NK, XK (theo quy định tại Nghị định 187/2013/NĐ-CP) thì trong bộ hồ sơ hải quan phải có giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật liên quan (quy định tại Điều 49 – 55 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ). Điều 19 của CƯ quy định: “*Các quy định của CƯ này không cản trở việc áp dụng các quy định hạn chế hay cấm nhập khẩu theo pháp luật quốc gia trên cơ sở cân nhắc không mang tính kinh tế như vấn đề đạo đức hoặc trật tự công cộng, an ninh công cộng, vệ sinh hoặc y tế, hoặc dựa trên các cân nhắc về thú y hoặc kiểm dịch, các cân nhắc liên quan tới việc bảo vệ các loài động thực vật hoang dã có nguy cơ bị tiệt chủng hoặc các cân nhắc liên quan tới bảo vệ quyền tác giả và sở hữu công nghiệp*”. Như vậy, các quy định cấm hoặc hạn chế XNK của VN như cấm nhập khẩu phương tiện vận tải, máy móc thiết bị có thời gian sử dụng 5 năm trở lên… được coi là nhằm mục đích bảo vệ môi trường, an ninh công cộng và không mang tính kinh tế  - Tại Bảng rà soát, BTC (TCHQ) đã đề xuất sửa thời hạn tái xuất quy định tại Thông tư số 38. BTC (TCHQ) tiếp thu ý kiến của BCT, đề xuất bổ sung thời hạn tái xuất vào Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Công ước. BTC (TCHQ) sẽ lưu ý nội dung này để kiến nghị cơ quan liên quan khi sửa đổi Luật thương mại. |
| 6 | **VCCI** | **I. Bảng rà soát mức độ tương thích của pháp luật Việt Nam với các nghĩa vụ của chế độ tạm quản hàng hóa theo công ước Istanbul:**  VCCI gửi kèm góp ý cho bảng rà soát (file đính kèm)  **II. Về Tờ trình Chính phủ:**  VCCI xin góp ý ngay trên dự thảo Tờ trình quý Bộ dự thảo để quý Bộ tiện theo dõi và xin cung cấp các thông tin có liên quan việc cấp sổ ATA của VCCI khi được Chính phủ ủy quyền như sau:  **1. Điều kiện về cơ sở vật chất và nhân lực của VCCI khi tham gia cấp sổ ATA**  a. Về cơ sở vật chất: VCCI có 9 Chi nhánh và Văn phòng đại diện trên toàn quốc, có 17 tổ cấp C/O và sắp mở thêm Tổ cấp mới tại tỉnh Bình Thuận. Các Tổ cấp C/O của VCCI đều được trang bị cơ sở hạ tầng, thiết bị máy móc, máy tính để đảm bảo việc cấp sổ, kết nối mạng lưới thông tin dữ liệu trong toàn bộ hệ thống. Hệ thống quản lý của VCCI thống nhất từ trung ương đến địa phương. Hệ thống khai báo trực tuyến của VCCI có thể nâng cấp tích hợp chức năng để phục vụ việc khai báo và cấp sổ ATA trực tuyến theo hướng cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian và chi phí của doanh nghiệp.  b. Về nguồn lực: Trải qua hơn 50 năm kinh nghiệm, VCCI đã xây dựng được hệ thống cấp C/O và hình thành bộ máy nhân sự chuyên nghiệp, rộng khắp các vùng kinh tế trọng điểm của cả nước để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ này. Hiện nay, trong hệ thống cấp C/O của VCCI có khoảng 100 cán bộ tham gia hoạt động cấp C/O. Các cán bộ đều là những cán bộ trẻ, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có học vấn về Luật và Kinh tế, khả năng ngoại ngữ tốt, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu tìm hiểu tài liệu, trao đổi và giao tiếp thường xuyên với các cơ quan hữu quan nước ngoài.  Trong nhiều năm vừa qua, VCCI đã có mối quan hệ chặt chẽ và thường xuyên với các Bộ, Ngành (Bộ Công thương, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và PTNT,…) và các tổ chức trong nước, các hiệp hội ngành nghề và các doanh nghiệp… cũng như các cơ quan, tổ chức nước ngoài (như Đại sứ quán, Hải quan các nước, các Phòng thương mại quốc tế (ICC), Phòng thương mại châu Á, Đại sứ quán các nước, Phái đoàn EU,…).  Với các phân tích như nêu trên, VCCI có đầy đủ nguồn lực, vật lực và mối quan hệ trong nước và ngoài nước để thực hiện việc cấp Sổ.  c. Giai đoạn đầu triển khai việc cấp sổ ATA, VCCI dự kiến sẽ thực hiện việc cấp sổ ở các thành phố lớn như: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh.   * + 1. **Mức phí cấp sổ:**   Để có cơ sở xây dựng mức phí cấp sổ, VCCI đã tham khảo mức phí cấp sổ của các nước trong khu vực Châu Á gần Việt Nam như Trung Quốc phí cấp sổ 1,6-6 triệu đồng/sổ hay Singapore phí cấp sổ từ 3,2- 4,5 triệu/sổ.  Theo quy định của Công ước Istanbul, phí cấp sổ bao gồm lệ phí cấp, phí mua form, phí nước phát sinh, phí sửa form, phí dùng thêm các form bổ dung danh mục hàng hóa. Khi Việt Nam gia nhập Công ước, số lượng các doanh nghiệp biết còn hạn chế. Để khuyến khích doanh nghiệp tham gia lựa chọn hình thức cấp sổ tạm quản (cấp theo nhu cầu của doanh nghiệp), VCCI tạm tính lệ phí cấp sổ trong thời gian đầu là: **500.000 đồng/sổ** (dựa trên tình hình cấp thực tế, chi phí sẽ được điều chỉnh sau đó).  Chi phí trên bao gồm phí 4Euro/sổ nộp cho ICC, còn lại lệ phí cấp sổ còn lại dùng để trang trải nhiều chi phí thực hiện hoạt động cấp sổ như chi phí duy trì vận hành hệ thống cấp sổ (các cán bộ trực tiếp và gián tiếp cho hoạt động này cần phải tìm hiểu, đào tạo), chi phí nâng cấp trang thiết bị, chi phí giao dịch thông tin với doanh nghiệp, với các cơ quan hải quan nước ngoài, chi phí đào tạo, phổ biến các quy định của Công ước cho doanh nghiệp, chi phí khác để phục vụ hoạt động cấp Sổ như lưu trữ hay các chi phí hành chính khác….  Ngoài lệ phí cấp sổ ở trên, còn các chi phí khác như:  - Phí mua form: 200.000 đồng/1 bộ Sổ (gồm 11 tờ: 2 tờ bìa xanh lá, 1 tờ biên lai và 2 phiếu lưu màu xanh nhạt, 1 tờ biên lai và 2 phiếu lưu màu vàng, 1 tờ biên lai và 2 phiếu lưu màu trắng.  - Phí nước phát sinh (nếu sổ dùng cho trên 1 nước): 50.000 đồng/ 1 nước phát sinh  - Phí sửa form: 50.000 đồng/ 1 lần sửa  - Phí dùng thêm các form bổ sung danh mục hàng hóa: 50.000 đồng/1 tờ bổ sung danh mục hàng hóa  **3. Về mẫu thư bảo lãnh của ICC**:  Theo tham khảo tư vấn của ngân hàng, VCCI xin góp ý về mẫu thư bảo lãnh của ICC như sau:  - Mục 3 - Tên của người có người đại diện cho bên đòi tiền: cần ghi rõ tên và xác nhận chữ ký của người đại diện WCF  - Mục 2, 4: cần ghi rõ 1 bên đòi tiền là WCF (Liên đoàn Phòng Thương mại quốc tế), không ghi 2 đại diện WCF/WATAC.  - Mục 5: Thanh toán sẽ theo loại tiền của quốc gia phạt *và thêm* ***“phù hợp với quy định của Việt Nam”.*** | - Bộ Tài chính tiếp thu và đưa vào dự thảo Kế hoạch thực hiện sau khi gia nhập Công ước.  - Bộ Tài chính (TCHQ) cho rằng nội dung này thể hiện tại Kế hoạch thực hiện chỉ nên áp dụng trên cơ sở tham khảo mức phí một số nước đang thu. Các khoản cấu thành mức thu theo thông lệ ICC và khả năng chấp nhận của doanh nghiệp, các chi phí cần thiết để vận hành hệ thống cấp và quản lý sổ của VCCI (theo nguyên tắc kinh tế thuận lợi hơn thì doanh nghiệp tự giác áp dụng). |